

Bản án số: 30 /2024/HS-ST

Ngày 02 - 5 -2024.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: ông Phạm Văn Tâm.

Thẩm phán: ông Hồ Văn Cường.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Hà Minh Châu;
- Bà Lê Thị Đổi;
- Bà Trần Thị Ngân Hà.

- **Thư ký phiên tòa:** ông Ngô Tấn Tài – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:** ông Nguyễn Hoàng Quân, bà Triệu Thị Phương Vân – Kiểm sát viên. Trong ngày 02 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 75/2023/TLST-HS ngày 02 tháng 10 năm 2023; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2024/QĐXXST-HS ngày 23 tháng 02 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Trần Thanh T (tên gọi khác: T bù xè), sinh ngày 02/6/1981, tại tỉnh Tây Ninh. Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và cư trú hiện nay: Số G, khu phố N, thị trấn G, huyện G, tỉnh Tây Ninh. Nghề nghiệp: không có; trình độ học vấn: 8/12. Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: kinh; tôn giáo: Cao đài. Con ông Trần Văn L (đã chết) và bà Trang Thị Kim H (đã chết); có vợ tên Trình Thị Kim P, sinh năm 1979 (đã ly hôn) và 01 người con sinh năm 2006. Tiền sự: không. Tiền án: Bản án Hình sự sơ thẩm số 40/2013/HS-ST ngày 10/7/2013 của Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh xử phạt 08 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, chấp hành xong hình phạt ngày 27/4/2020. Ngoài ra, bị cáo đang chấp hành hình phạt chung là 29 năm tù theo Bản án Hình sự sơ thẩm số 16/2023/HS-ST ngày 09/02/2023 của Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu tỉnh Tây Ninh về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” (phạm tội ngày 11/4/2022) và Bản án Hình sự sơ thẩm số 58/2023/HS-ST ngày 31/7/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Bị cáo đang chấp hành án; có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo T*: Luật sư **Lê Hòa Thái S**, công tác tại Văn phòng Luật sư **Nguyễn Duy H1** thuộc **Đoàn Luật sư tỉnh T**; vắng mặt.

2. Họ và tên: **Nguyễn Hoàng Phi V1** (tên gọi khác: **H2**), sinh năm 2000, tại tỉnh Tây Ninh. Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và cư trú hiện nay: **ấp X, xã P, huyện G, tỉnh Tây Ninh**. Nghề nghiệp: không có, trình độ học vấn: 9/12. Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không. Con ông **Nguyễn Hoàng Phi L1** và bà **Nguyễn Thị Đ**; vợ, con: chưa có. Tiền sự: không. Tiền án: không. Bị cáo đang chấp hành hình phạt 15 năm tù theo Bản án Hình sự phúc thẩm số 847/2023/HS-PT ngày 09/11/2023 về tội: “Mua bán trái phép chất ma túy” (phạm tội ngày 11/4/2022) của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh; bị cáo có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo V1*: Luật sư **Đặng Tấn L2**, công tác tại Văn phòng Luật sư **Đặng Tấn L2** thuộc **Đoàn Luật sư tỉnh T**; có mặt.

3. Họ và tên: **Phan Văn L3** (tên gọi khác: **Lợm B**), sinh ngày 17/3/1996, tại tỉnh Tây Ninh. Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và cư trú hiện nay: **ấp B, xã P, huyện G, tỉnh Tây Ninh**. Nghề nghiệp: không có; trình độ học vấn: 07/12. Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không. Con ông **Phan Văn T1** và bà **Võ Thị N**; vợ, con: chưa có. Tiền sự: không. Tiền án: Tại Bản án số 19/2019/HS-ST ngày 16/01/2019 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh áp dụng khoản 1 Điều 194 của Bộ luật Hình sự năm 1999 xử phạt bị cáo 05 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Bị cáo đang chấp hành hình phạt chung là 17 năm tù theo Bản án Hình sự sơ thẩm số 115/2022/HS-ST ngày 25/10/2022 của Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và Bản án Hình sự phúc thẩm số 847/2023/HS-PT ngày 09/11/2023 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh về tội: “Mua bán trái phép chất ma túy” (phạm tội ngày 11/4/2022); bị cáo có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo L3*: Luật sư **Lê Hòa Thái S**, công tác tại văn phòng Luật sư **Nguyễn Duy H1** thuộc **Đoàn Luật sư tỉnh T**; vắng mặt.

4. Họ và tên: **Võ Trọng N1** (tên gọi khác: **L4**), sinh ngày 13/3/2000, tại tỉnh Tây Ninh. Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và cư trú hiện nay: **ấp P, xã P, huyện G, tỉnh Tây Ninh**. Nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 09/12. Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không. Con ông **Võ Văn H3** và bà **Đặng Thị Kim L5**; vợ, con: chưa có. Tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 13/4/2022 cho đến nay; có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo N1*: Luật sư **Ngô Thị Kim Y**, công tác tại văn phòng Luật sư **Nguyễn Văn R**, thuộc **Đoàn Luật sư tỉnh T**; có mặt.

5. Họ và tên: **Nguyễn Khánh H4**, sinh ngày 10/5/2003. Tại tỉnh Tây Ninh. Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và cư trú hiện nay: **ấp R, xã T, huyện G, tỉnh Tây Ninh**. Nghề nghiệp: Làm mướn; trình độ học vấn: 11/12. Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không. Con ông **Nguyễn Quốc C** và bà **Đặng Thị B1**; vợ, con: chưa có. Tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 16/8/2022 cho đến nay; có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo **H4**: Luật sư **Nguyễn Thị H5**, công tác tại văn phòng Luật sư **Hằng N2**, thuộc **Đoàn Luật sư Thành phố H**; có mặt.

- Bị hại:

+ Anh **Trần Chí H6**, sinh năm 1995; cư trú tại: **Ô, khu phố N** (nay là **khu phố T3**), **thị trấn G, huyện G, tỉnh Tây Ninh**; vắng mặt.

*Đại diện hợp pháp của bị hại **Trần Chí H6***: bà **Dương Kim C1**, sinh năm 1966, cư trú tại: **Ô, khu phố N** (nay là **khu phố T3**), **thị trấn G, huyện G, tỉnh Tây Ninh** (theo *văn bản ủy quyền ngày 07/3/2024*); có mặt.

+ Anh **Dương Thành Đ1**, sinh năm 2000; cư trú tại: **Số nhà Ô, Khu phố T, thị trấn G, huyện G, tỉnh Tây Ninh**; có mặt.

+ Chị **Nguyễn Thúy A**, sinh năm 2002; cư trú tại: **ấp C, xã A, huyện B, tỉnh Tây Ninh**; vắng mặt.

+ Bà **Huỳnh Thị G**, sinh năm 1980; cư trú tại: **ấp C, xã A, huyện B, tỉnh Tây Ninh** (đã chết).

*Đại diện hợp pháp của bị hại **G, chị A***: ông **Nguyễn Văn N3**, sinh năm 1978, cư trú tại: **ấp C, xã A, huyện B, tỉnh Tây Ninh**; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Xuất phát từ mâu thuẫn trước đó giữa 2 nhóm **Trần Thanh T** (**T** bù xè) và anh **Trần Chí H6**. Khoảng 21 giờ ngày 14/12/2021, **Trần Chí H6** cùng bạn là **Dương Thành Đ1** hẹn gặp **T** tại khu vực **cầu G** để giải quyết mâu thuẫn. Lúc này, tại nhà của **T** có **Nguyễn Hoàng Phi V1**, **Đoàn Đức L6** và **Phan Văn L3**. **T** rủ **V1**, **L6** và **L3** đi cùng **T** để giải quyết mâu thuẫn với nhóm của **H6**, thì tất cả đồng ý. Lọm gọi điện thoại rủ thêm **Võ Trọng N1** và **Nguyễn Khánh H4** cùng đến nhà của **T** để chuẩn bị hung khí. Khi tất cả tập hợp tại nhà của **T** thì **T** đưa cho **V1** 01 cây dao tự chế cán bằng sắt, đưa cho **H4** 01 cây gậy đánh bóng chày, đưa cho **L6** 01 cây vũ 03 khúc, còn **T** sử dụng cây rựa. **T** điều khiển xe mô tô hiệu Winer màu đỏ biển số 70F1-797.74 chở **V1**; **N1** điều khiển xe mô tô hiệu Exciter màu đen biển số 70F1-747.52 chở **H4**. Lọm điều khiển xe mô tô Suzuki Sport biển số 51F7-2204 chở **L6** cùng đến khu vực **cầu G** tìm nhưng không gặp **H6** và **Đ1**, nên tất cả chạy ngược lại vòng xoay **thị trấn G** để tìm, khi phát hiện Đèn điều khiển xe mô tô Yamaha Mio biển số 70K5-3534 chở **H6** chạy từ hướng vòng xoay **thị trấn G** đến khu vực **cầu G** dừng lại ở trước nhà **số B** thuộc **khu phố N, thị trấn G**. Lúc này, nhóm của **T** quay xe rượt đuổi, khi chạy đến nơi **H6** và **Đ1** dừng xe, **T** chở **Phi V1** dùng rựa chém **H6** nhưng không trúng. Thấy vậy, **Đ1** điều khiển xe mô tô chở **H6** bỏ chạy qua **cầu G** về hướng **huyện B** thì nhóm của **T** tiếp tục truy đuổi với tốc độ cao. Khi truy đuổi đến khu vực **ấp T, xã L, huyện B**, xe **T** điều khiển chở **Phi V1** đuổi kịp xe của **Đ1** và **H6**, **V1** ngò phía sau cầm cây dao tự chế chém từ trên xuống 01 nhát trúng vào thái dương bên trái của **H6**, **Đ1** tiếp tục tăng ga chở **H6** bỏ chạy về hướng **huyện B**, nhóm của **T** tiếp tục truy đuổi đến

khu vực ngã tư thuộc ấp V, xã A, huyện B, tỉnh Tây Ninh thì Đ1 chở H6 rẽ sang làn đường bên trái chạy về hướng cửa khẩu quốc tế M, nhóm của T cũng rẽ sang trái rượt đuổi xe Đến và H6. Do xe 2 nhóm chạy với tốc độ cao và ngược chiều nên xe Đến và H6 va chạm với xe mô tô Wave biển số 70C1-259.89 do bà Huỳnh Thị G đang điều khiển chở theo chị Nguyễn Thúy A lưu thông theo hướng ngược lại, gây tai nạn giao thông. Hậu quả làm bà G tử vong tại chỗ; cháu A, H6 và Đ1 ngã xuống đường bị thương tích, được người dân đưa đi cấp cứu. Nhóm của T nhìn thấy tai nạn giao thông, thì tất cả bỏ về.

Kết quả giám định:

* Bản kết luận giám định pháp y về tử thi số 163/2021/TT ngày 20/12/2021, của Trung tâm P1-Sở Y tế tỉnh T kết luận (đối với tử thi của Huỳnh Thị G):

- Dấu hiệu chính qua giám định: tử thi nữ, thể trạng trung bình, biến dạng vùng gò má bên trái, ra máu hai tai, hai mũi, vết rách da phức tạp vùng mắt, gò má bên trái. Bầm tụ máu tổ chức dưới da đầu vùng thái dương phải, vùng trán thái dương trái. Bầm tụ máu cơ thái dương hai bên. Nứt sọ vùng thái dương phải bề lõm sọ vùng thái dương trán bên trái máu chảy rỉ rả từ trong ra ngoài.

- Nguyên nhân chết: chấn thương sọ não.

* Bản Kết luận giám định pháp y về thương tích số 72/2022/TgT ngày 28/3/2022, của Trung tâm Pháp Y-Sở Y tế tỉnh T kết luận (đối với thương tích của Nguyễn Thúy A):

- Dấu hiệu chính qua giám định: 01 vết bầm da vùng cằm trái, kích thước 2,5 x 2,5 cm hiện tại lành tốt không để lại dấu vết, 01 vết sẹo mỡ mặt trước cổ tay trái, kích thước 5 x 0,5 cm lành. 01 vết sẹo mặt mu bàn tay trái, kích thước 0,5 x 0,2 cm lành. Gãy đầu dưới xương quay trái còn dụng cụ kết hợp xương. Gãy xương bàn ngón III tay trái còn dụng cụ kết hợp xương.

- Căn cứ Thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28 tháng 8 năm 2019 của Bộ Y1, tỷ lệ tổn thương cơ thể của Nguyễn Thúy A, sinh năm 2002 do thương tích gây nên hiện tại là 14%.

- Kết luận khác: Không có.

* Bản Kết luận giám định pháp y về thương tích số 33/2022/TgT ngày 08/02/2022, của Trung tâm Pháp Y-Sở Y tế tỉnh T kết luận (đối với Trần Chí H6):

- Dấu hiệu chính qua giám định: 01 vết sẹo vùng thái dương trái, kích thước 9 x 0,5 cm lành có tóc che. 01 vết sẹo vùng trán trái, kích thước 2,5 x 0,3 cm lành. 01 vết sẹo vùng dưới chân mày phải, kích thước 3 x 0,5 cm lành. 01 vết sẹo giữa đùi trái, kích thước 1 x 0,1 cm lành. 04 vết sẹo mặt trong 1/3 dưới đùi trái từ trên xuống dưới từ trong ra ngoài, kích thước 2,5 x 0,1 cm; 1,5 x 0,1 cm; 0,5 x 0,5 cm và 0,5 x 0,5 cm lành. 01 vết sẹo mặt ngoài 1/3 dưới đùi trái, kích thước 1,3 x 0,2 cm lành. 02 vết sẹo mặt trước vùng gối trái, kích thước 8 x 1 cm và 0,5 x 0,2 cm lành. 01 vết sẹo mặt ngoài vùng gối trái, kích thước 1,5 x 0,1 cm lành. 02 vết sẹo 1/3 trên cẳng chân trái, kích thước 0,4 x 0,4 cm và 2,5 x 1,4 cm lành. 05 vết sẹo mặt trong 1/3 giữa cẳng chân

trái từ trên xuống dưới từ trong ra ngoài, kích thước 0,5 x 0,1 cm; 0,1 x 0,1 cm; 0,5 x 0,1 cm; 0,1 x 0,1 cm và 0,1 x 0,1 cm lành. 01 vết sẹo mặt trước 1/3 giữa cẳng chân trái, kích thước 0,1 x 0,1 cm lành. 01 vết xây xát biến đổi rối loạn sắc tố da mặt ngoài 1/3 dưới cẳng chân trái, kích thước 4 x 1 cm lành. 02 vết sẹo mặt trong 1/3 dưới cẳng chân trái, kích thước 1,4 x 0,1 cm và 2 x 0,2 cm lành. Máu tụ ngoài màng cứng thái dương bán cầu não trái đã điều trị không có di chứng thần kinh. Nứt sọ thái dương trái, kích thước 3 đến 5 cm. Chảy máu dưới màng nhện đã điều trị ổn định không có di chứng thần kinh.

- Căn cứ Thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28 tháng 8 năm 2019 của Bộ Y1, tỷ lệ tổn thương cơ thể của Trần Chí H6, sinh năm 1995 do thương tích gây nên hiện tại là 50%.

- Kết luận khác: cơ chế hình thành thương tích: trực tiếp.

* Bản Kết luận giám định pháp y về thương tích số 34/2022/TgT ngày 08/02/2022, của Trung tâm Pháp Y-Sở Y tế tỉnh T kết luận (đối với Dương Thành Đ1):

- Dấu hiệu chính qua giám định: 01 vết sẹo vùng thái dương trái, kích thước 3 x 0,3 cm lành có tóc che. 01 vết sẹo vùng trán phải, kích thước 1 x 0,1 cm lành có tóc che. 03 vết xây xát biến đổi sắc tố da vùng ngực từ phải sang trái từ trên xuống dưới, kích thước 5 x 3 cm; 4 x 3 cm; 2,5 x 1 cm lành. 01 vết xây xát biến đổi rối loạn sắc tố da vùng ngực trái, kích thước 7 x 7 cm lành. 01 vết sẹo xây xát da ở mặt sau 1/3 cánh tay trái, kích thước 10 x 0,5 cm lành. 01 vết sẹo xây xát biến đổi rối loạn sắc tố da mặt mu bàn tay trái, kích thước 2 x 0,2 cm lành. 01 vết sẹo vùng mu bàn tay trái, kích thước 1 x 0,3 cm. Gãy xương hàm dưới. Gãy đốt 2 ngón II bàn tay trái. Ổ tổn thương não đường kính 2-5cm. Tụ máu dưới màng cứng bán cầu phải không còn hình ảnh tổn thương trên chẩn đoán hình ảnh.

- Căn cứ Thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28 tháng 8 năm 2019 của Bộ Y1, tỷ lệ tổn thương cơ thể của Dương Thành Đ1, sinh năm 2000 do thương tích gây nên hiện tại là 46%.

- Kết luận khác: cơ chế hình thành thương tích: trực tiếp.

* Kết luận giám định số 1581/KL-KTHS ngày 22/12/2021, của Phòng K Công an tỉnh T, kết luận:

- Mẫu máu ghi thu của Huỳnh Thị G, sinh năm 1980, ngụ ấp C, xã A, huyện B, tỉnh Tây Ninh không có nồng độ cồn trong máu.

- Mẫu máu ghi thu của Trần Chí H6, sinh năm 1995, ngụ Ô, khu phố T, thị trấn G, huyện G, tỉnh Tây Ninh có nồng độ cồn trong máu là 276,508 mg/100ml máu.

- Mẫu máu ghi thu của Dương Thành Đ1, sinh năm 2000, ngụ khu phố T, thị trấn G, huyện G, tỉnh Tây Ninh có nồng độ cồn trong máu là 57.962 mg/100ml máu.

Quá trình điều tra Trần Thanh T, Nguyễn Hoàng Phi V1, Phan Văn L3, Võ Trọng N1 và Nguyễn Khánh H4 đã thành khẩn khai báo, thừa nhận hành vi phạm tội.

Tại bản Cáo trạng số 09/VKSTN-P2 ngày 21 tháng 3 năm 2023 của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh đã truy tố các bị cáo **Trần Thanh T**, **Nguyễn Hoàng Phi V1**, **Phan Văn L3**, **Võ Trọng N1** và **Nguyễn Khánh H4** về tội: “Giết người” quy định tại điểm a, n khoản 1 Điều 123 của Bộ luật Hình sự. Riêng bị cáo **T** còn bị truy tố thêm điểm p khoản 1 Điều 123 của Bộ luật Hình sự với tình tiết “tái phạm nguy hiểm”.

* Tại phiên toà, các bị cáo đều thừa nhận hành vi phạm tội như cáo trạng truy tố.

* *Bị hại Đến trình bày:* anh thừa nhận bản cáo trạng của Viện kiểm sát là đúng, anh không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường thêm.

* Bà **C1** (mẹ bị hại **H6**) đại diện cho bị hại **H6** trình bày: anh **H6** làm công nhân thu nhập mỗi tháng số tiền 10.000.000 đồng. Sau khi sự việc xảy ra bà là người trực tiếp chăm sóc và bỏ chi phí điều trị cho **H6** tại bệnh viện. Bà có nhận của gia đình các bị cáo bồi thường trước cho anh **H6** số tiền như sau: Gia đình bị cáo **H4** bồi thường 40.000.000 đồng; bị cáo **N1** bồi thường 22.000.000 đồng; bị cáo **T** 20.000.000 đồng; bị cáo **V1** 14.000.000 đồng; bị cáo **L3** 5.000.000 đồng. Nay bà yêu cầu các bị cáo phải bồi thường các khoản chi phí điều trị, tổn thất tinh thần cho anh **H6** tổng số tiền 500.000.000 đồng, bà xin giảm nhẹ hình phạt cho riêng bị cáo **H4**.

* Ông **N3** (đại diện bị hại **Gái**) trình bày: sự việc xảy ra gia đình các bị cáo chưa bồi thường cho vợ, con ông số tiền nào cả.

* Trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát trình bày luận tội đề nghị:

- Rút một phần cáo trạng quyết định truy tố đối với hậu quả chết người của bà **G** và thương tích của chị **A** để chuyển cơ quan điều tra giải quyết bằng vụ án khác.

- Về tội danh: tuyên bố các bị cáo **Trần Thanh T**, **Nguyễn Hoàng Phi V1**, **Phan Văn L3**, **Võ Trọng N1** và **Nguyễn Khánh H4** phạm tội “Giết người”.

- Về hình phạt:

+ Áp dụng điểm a, n, p khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm e khoản 1 Điều 52, Điều 57, Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự; đề nghị xử phạt bị cáo: **Trần Thanh T** mức án từ 16-18 năm tù. Áp dụng Điều 56 của Bộ luật Hình sự tổng hợp hình phạt của nhiều bản án đối với bị cáo theo quy định.

+ Áp dụng điểm a, n khoản 1 Điều 123; điểm s, b khoản 1 Điều 51, điểm e khoản 1 Điều 52, Điều 57, 58; Điều 38, của Bộ luật Hình sự; đề nghị xử phạt bị cáo **Nguyễn Hoàng Phi V1** mức án từ 15-17 năm tù. Áp dụng Điều 56 của Bộ luật Hình sự tổng hợp hình phạt của nhiều bản án đối với bị cáo theo quy định.

+ Áp dụng điểm a, n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1 Điều 51, điểm e khoản 1 Điều 52, Điều 57, 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự; đề nghị xử phạt bị cáo **Phan Văn L3** mức án từ 14-16 năm tù. Áp dụng Điều 56 của Bộ luật Hình sự tổng hợp hình phạt của nhiều bản án đối với bị cáo theo quy định.

+ Áp dụng điểm a, n khoản 1 Điều 123; điểm s, b khoản 1 Điều 51, điểm e khoản 1 Điều 52, Điều 57, 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự; đề nghị xử phạt bị cáo **Võ Trọng N1** mức án từ 13-15 năm tù.

+ Áp dụng điểm a, n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51, điểm e khoản 1 Điều 52, Điều 57, 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự; đề nghị xử phạt bị cáo **Nguyễn Khánh H4** mức án từ 13-15 năm tù.

- Biện pháp tư pháp:

+ Trách nhiệm dân sự: đề nghị Hội đồng xét xử buộc các bị cáo phải có nghĩa vụ liên đới bồi thường thiệt hại cho bị hại.

+ Đề nghị xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

* Luận cứ của Luật sư **Lê Hòa Thái S** bào chữa cho bị cáo **T, L3** trình bày:

- Thống nhất về tội danh và điều luật truy tố của Viện kiểm sát đối với các bị cáo.

- Về hình phạt: bị cáo **T, L3** phạm tội do bị hại **H6** kích động rủ đánh nhau, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, sau khi phạm tội đã bồi thường một phần chi phí điều trị cho bị hại.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm e, b, s khoản 1 Điều 51, Điều 54 của Bộ luật Hình sự; xử phạt các bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng.

* Bị cáo **T, L3** không tranh luận bổ sung.

* Luật sư **Đặng Tấn L2** bào chữa cho bị cáo **V1** trình bày:

- Thống nhất về tội danh và điều luật truy tố của Viện kiểm sát đối với các bị cáo.

- Bị cáo có 2 tình tiết giảm nhẹ theo điểm b, s khoản 1 Điều 51 nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét thêm Điều 54 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo **V1** dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng.

* Bị cáo **V1** không tranh luận bổ sung.

* Luật sư **Ngô Thị Kim Y** bào chữa cho bị cáo **N1** trình bày:

Mặc dù bị cáo **N1** có giúp sức cho bị cáo **T, V1** phạm tội nhưng không tham gia tích cực, sau khi phạm tội đã tác động gia đình khắc phục hậu quả, bị cáo nhận thức pháp luật còn hạn chế, không phải là người trực tiếp gây ra thương tích cho bị hại, bị cáo phạm tội lần đầu, bị hại có một phần lỗi, bị cáo có hai tình tiết giảm nhẹ; đề nghị Hội đồng xét xử xem xét thêm Điều 54 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo **V1** dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng.

* Bị cáo **N1** không tranh luận bổ sung.

* Luật sư **Nguyễn Thị H5** bào chữa cho bị cáo **H4** trình bày:

- Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát rút một phần cáo trạng quyết định truy tố đối với hậu quả chết người của bà **G** và thương tích của chị **A** để điều tra xử lý bằng vụ án khác nên vụ án này phải giám định lại thương tích của anh **Đ1** để làm căn cứ truy tố hành vi của nhóm bị cáo có phải tội giết người hay không.

- Bị cáo **H4** hoàn toàn không biết hành vi của bị cáo **T** là chuẩn bị đi đánh nhau, không tham gia truy đuổi nên bị cáo **H4** không phải chịu trách nhiệm về hành vi vượt quá của bị cáo **T**, bị cáo **V1**. Các bị cáo chỉ gây thương tích cho anh **H6**, thương tích của anh **Đ1** là do tai nạn giao thông nên không đồng tình với việc truy tố bị cáo giết hai người.

- Viện kiểm sát không phân hoá hành vi của bị cáo **N1** và bị cáo **H4**.

- Bị cáo có tình tiết đầu thú nhưng kiểm sát viên không áp dụng, gia đình bị cáo đã bồi thường một phần thiệt hại cho bị hại.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 4 Điều 17 của Bộ luật Hình sự; trả hồ sơ cho Viện kiểm sát điều tra bổ sung.

* Bị cáo **H4** không tranh luận bổ sung.

* Ông **N4** không có ý kiến đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát rút một phần cáo trạng quyết định truy tố đối với hậu quả chết người của bà **G** và thương tích của chị **A** để điều tra xử lý bằng vụ án khác và không tranh luận gì thêm.

* Bà **C1** không phát biểu tranh luận, chỉ yêu cầu các bị cáo phải bồi thường các khoản chi phí điều trị cho **H6** theo các chứng từ đã nộp cho Toà án.

* Kiểm sát viên phát biểu tranh luận:

- Đối với luận cứ của Luật sư **S** bào chữa cho bị cáo **T**, **L3** và đề nghị của Luật sư **L2** bào chữa cho bị cáo **V1**, Luật sư **Y** bào chữa cho bị cáo **N1** về áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự thì Viện kiểm sát không tranh luận.

- Đối với Luật sư **H5** bào chữa cho bị cáo **H4** đề nghị áp dụng khoản 4 Điều 17 của Bộ luật Hình sự vì cho bị cáo **H4** không tham gia truy đuổi nên không phải chịu trách nhiệm cùng với bị cáo **T** là không đúng. Tại Bút lục số 215 bị cáo **H4** trình bày các bị cáo đã chuẩn bị hung khí tấn công, truy đuổi và chém bị hại **H6** thương tích 50%, bị hại Đến mặc dù không có thương tích nhưng vẫn là bị hại nên không cần thiết phải giám định lại thương tích của Đến. Hành vi của các bị cáo đã giết hai người nên phải chịu trách nhiệm chung nên lời trình bày của luật sư cho rằng các bị cáo không bàn bạc nhau trước khi truy đuổi bị hại là không đúng. Việc tách hậu quả chết người của bà **G** và thương tích của chị **A** ra khỏi vụ án này không ảnh hưởng bản chất vụ án.

* Các Luật sư vẫn giữ nguyên quan điểm bào chữa cho các bị cáo.

* Lời nói sau cùng của các bị cáo: các bị cáo xin lỗi bị hại và xin Hội đồng xét xử xem xét áp dụng mức án nhẹ cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Trong suốt quá trình điều tra, truy tố và xét xử các bị cáo và những người tham gia tố tụng không có khiếu nại hoặc có ý kiến gì về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[1.2] Luật sư **Phan Hòa Thái S1** bào chữa cho bị cáo **T, L3** vắng mặt có gửi luận cứ bào chữa. Tại phiên tòa, bị cáo **T, L3** đồng ý việc Tòa án xét xử vắng mặt Luật sư **S1** nên Hội đồng xét xử không hoãn phiên tòa.

[1.3] Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát rút một phần quyết định truy tố đối với các bị cáo về hậu quả chết người của bà **G** và thương tích của chị **A** để chuyển cơ quan điều tra xem xét hành vi vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông của **Dương Thành Đ1** gây hậu quả chết người của bà **G** và thương tích của chị **A**.

[2] Về nội dung:

[2.1] Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận lúc 21 giờ ngày 14/12/2021, do bị **H6** thách thức đánh nhau nên **Trần Thanh T** rủ nhóm bạn và cầm theo rựa rồi khiển xe mô tô hiệu Winer màu đỏ biển số 70F1-797.74 chở **Nguyễn Hoàng Phi V1** cầm dao tự chế; **Võ Trọng N1** điều khiển xe mô tô hiệu Exciter màu đen biển số 70F1-747.52 chở **Nguyễn Khánh H4** cầm theo gậy bóng chày; **Phan Văn L3** điều khiển xe mô tô Suzuki Sport biển số 51F7-2204 chở **Đoàn Đức L6** cầm theo cây vũ 3 khúc đi tìm **H6**, khi thấy nhóm của bị cáo **T** thì **Đ1** chở **H6** bằng xe gắn máy bỏ chạy thì nhóm bị cáo **T** đã truy đuổi theo để chém **Đến** và **H6**. Khi truy đuổi đến khu vực **ấp T, xã L, huyện B** thì **T** điều khiển xe chở **V1** đuổi kịp xe của **Đ1** và **H6**, **T** ép xe vào gần xe **Đến** để **V1** ngồi phía sau cầm cây dao tự chế chém từ trên xuống 01 nhát trúng vào thái dương bên trái của **H6**, **H6** bị thương tích 50% với hành vi của nhóm bị cáo **T** gây ra Hội đồng xét xử kết luận hành vi của các bị cáo **Trần Thanh T, Nguyễn Hoàng Phi V1, Phan Văn L3, Võ Trọng N1** và **Nguyễn Khánh H4** đã phạm tội “Giết người” theo quy định tại Điều 123 của Bộ luật Hình sự như bản cáo trạng số 09/VKSTN-P2 ngày 21 tháng 3 năm 2023 của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh truy tố các bị cáo là có căn cứ.

[2.2] Đối với hậu quả chết người của bà **G** và thương tích của chị **A** thấy rằng: khi bị nhóm của bị cáo **T** rượt đuổi và có hành vi tấn công **quyết liệt Dương Thành Đ2** đã chạy xe vào làn ngược chiều bên trái (trong khu vực đó là ngã tư) **Đến** còn nhiều lựa chọn là chạy thẳng hoặc vòng lại đi đúng phần đường của mình nhưng **Đến** lại điều khiển xe gắn máy tốc độ cao chuyển hướng sang phần đường bên trái (có dây phân cách) và đi ngược chiều đã vi phạm an toàn giao thông, trực tiếp gây tai nạn làm chết người nên cần tách ra xem xét xử lý hậu quả gây chết người do hành vi vi phạm quy định điều khiển giao thông của **Đến**. Tại phiên tòa, kiểm sát viên rút một phần quyết định truy tố không buộc các bị cáo phải chịu về hậu quả chết người của bà **G** và

thương tích của chị **A** và đề nghị chuyển cơ quan điều tra xem xét hành vi vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông của **Dương Thành Đ2** gây ra hậu quả chết người cho bà **G** và thương tích cho chị **A** là có căn cứ. Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.3] Tại phiên toà, người bào chữa cho bị cáo **H4** cho rằng **H4** và **N1** không tham gia truy đuổi bị hại, không bàn bạc với bị cáo **T** để đánh nhau nên bị cáo **H4** không chịu trách nhiệm về hành vi vượt quá của bị cáo **T**, thương tích các bị cáo gây ra chỉ một mình anh **H6** bị thương tích nên Viện kiểm sát truy tố bị cáo phạm tội đối với hai người là không đúng, cần giám định lại thương tích của bị hại... Xét thấy, trong quá trình điều tra bị cáo **N1** trình bày tại (bút lục 741) là “bị cáo, **L3**, **H4** đang ăn tối thì **L3** nghe điện thoại và nói lại có người rủ **T** đánh nhau nên cả bọn cùng đến nhà **T**, tại đây bị cáo thấy **T** cầm rựa và **L6** mang một bao hung khí đến phát cho từng người trong đó **H4** cầm cây gậy đánh bóng chày sau đó cả nhóm lên xe và đi tìm bị hại”. Ngoài ra, lời khai của bị cáo **H4** tại (bút lục số 215, 747) cũng phù hợp với lời khai của bị cáo **N1**. Do đó, có căn cứ xác định **H4**, **N1** đều biết cả nhóm sẽ tham gia đánh nhau và chính bị cáo **H4** cầm theo hung khí để **N1** chở đi theo bị cáo **T**. Các bị cáo đều thống nhất hành động nên phải cùng gánh chịu hậu quả chung. Trong vụ án này ngoài bị hại **H6** bị thương tích 50% do bị cáo **V1** chém, anh **Đ2** cũng được xác định là bị hại mặc dù không có thương tích. Do đó, việc giám định lại thương tích của bị hại là không cần thiết các bị cáo bị truy tố tại a, n khoản 1 Điều 123 của Bộ luật Hình sự là “giết hai người trở lên, có tính chất côn đồ” là có căn cứ.

[3] Xét vai trò của từng bị cáo thấy rằng:

[3.1] Đối với bị cáo **T**, chỉ vì mâu thuẫn nhỏ nhặt lời thách thức đánh nhau của anh **H6**, bị cáo đã rủ đồng phạm và chuẩn bị hung khí tìm anh **H6** đánh. Sau khi anh **Đ2** chở anh **H6** bỏ chạy bị cáo lái xe mô tô chở bị cáo **V1** và cùng với các bị cáo khác truy đuổi với tốc độ cao, gây nguy hiểm và mất trật tự an toàn giao thông, ép xe anh **Đ2** để tạo điều kiện thuận lợi cho **V1** ngồi phía sau chém anh **H6** một nhát gây thương tích nặng ở vùng đầu, thể hiện bản tính côn đồ, xem thường pháp luật, xem thường tính mạng sức khỏe của người khác. Ngoài ra, bị cáo còn là người có tiền án về tội phạm rất nghiêm trọng chấp hành xong hình phạt năm 2020 lần phạm tội này là “tái phạm nguy hiểm” nên Viện kiểm sát truy tố bị cáo tội danh “Giết người” với các tình tiết định khung theo quy định tại điểm a, n, p khoản 1 Điều 123 của Bộ luật hình sự là có căn cứ. Bị cáo **T** là người chủ mưu cầm đầu nên phải chịu trách nhiệm hình sự với vai trò chính trong vụ án.

[3.2] Đối với bị cáo **V1**, sau khi được bị cáo **T** rủ đi đánh nhau, đã tích cực tham gia và là người trực tiếp chém anh **H6** một nhát vào vùng đầu gây thương tích nặng có thể dẫn đến chết người, thể hiện bản tính côn đồ, xem thường pháp luật, xem thường tính mạng sức khỏe của người khác nên Viện kiểm sát truy tố bị cáo tội danh “Giết người” với các tình tiết định khung theo quy định tại điểm a, n khoản 1 Điều 123 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, bị cáo là người thực hiện tích cực nên phải chịu trách nhiệm hình sự với vai trò sau bị cáo **T**.

[3.3] Đối với bị cáo **L3**, **N1**, **H4** sau khi được **T** rủ đi đánh **H6** đã thống nhất hành động, chuẩn bị hung khí và tham gia cùng bị cáo **T** truy đuổi anh **H6** và anh **Đ2** mặc dù các bị cáo không trực tiếp gây ra thương tích cho bị hại nhưng thể hiện bản tính côn đồ, xem thường pháp luật, xem thường tính mạng sức khỏe của người khác nên Viện kiểm sát truy tố các bị cáo tội danh “Giết người” với các tình tiết định khung theo quy định tại điểm a, n khoản 1 Điều 123 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ. Các bị cáo mặc dù không trực tiếp gây thương tích cho bị hại nhưng vai trò đồng phạm giúp sức trong vụ án nên phải chịu trách nhiệm hình sự sau bị cáo **V1**.

[4] Vụ án có tính chất đặc biệt nghiêm trọng, hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến sức khỏe, tính mạng của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương thể hiện bản tính côn đồ, hung hãn nên cần nghiêm trị mới có tác dụng giáo dục và phòng ngừa chung.

[5] Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo, cụ thể:

[5.1] Các bị cáo có tình tiết tăng nặng là thực hiện tội phạm đến cùng theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo **L3** có tiền án chưa xóa án tích lần phạm tội này là tái phạm theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

[5.2] Về tình tiết giảm nhẹ: các bị cáo sau khi bị bắt đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã bồi thường cho bị hại một phần chi phí điều trị nên cần xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s, b khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, bị hại cũng có một phần lỗi. Riêng bị cáo **H4** sau khi phạm tội đã đầu thú, được đại diện bị hại xin giảm nhẹ hình phạt nên cần xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo quy định khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo là có căn cứ.

[6] Về bồi thường thiệt hại:

[6.1] Tại phiên tòa, anh **Đ2** không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường thêm khoản chi phí điều trị nên ghi nhận.

[6.2] Đối với thương tích của anh **H6**: qua xem xét các chứng từ, khoản chi phí điều trị đã nộp cụ thể như sau:

- Điều trị tại **Bệnh viện X** (Bút lục 384) 02 ngày 14/12/2021- 15/12/2021;
- Điều trị tại **Bệnh viện C2** từ ngày 15/12/2021 (Bút lục 824, 825, 826) 21 ngày;
- Điều trị tại **Bệnh viện P2** (Bút lục 827) 46 ngày;
- Điều trị tại **Bệnh viện Đ3** (Bút lục 437) 10 ngày;
- Điều trị tại **Bệnh viện C3** (Bút lục 109) 01 ngày.
- Tổng tiền thuốc điều trị, viện phí theo chứng từ số tiền 101.601.604 đồng.

* Căn cứ Điều 509 của Bộ luật Dân sự Hội đồng xét xử chấp nhận các khoản sau:

- Chi phí điều trị, viện phí số tiền 101.601.604 đồng.

- Tiền mất thu nhập bệnh nhân 57 ngày số tiền 20.000.000 đồng.
- Tiền mất thu nhập người chăm sóc bệnh nhân 57 ngày số tiền 18.000.000 đồng.
- Tiền xe đi về 20.000.000 đồng.
- Tiền bồi dưỡng sức khỏe tính cho ngày khám chữa bệnh theo tại Điều 3 Nghị định 38/2022/NĐ-CP định cụ thể về mức lương tối thiểu vùng tại Tây Ninh 4.160.000 đồng/ 26 ngày = 160.000 đồng/ ngày x 57 ngày = 9.120.000 đồng.
- Thiệt hại do tổn thất về tinh thần số tiền 80.000.000 đồng.

- Buộc các bị cáo phải có nghĩa vụ liên đới bồi thường cho anh **H6** tổng cộng các khoản là 248.721.604 đồng, trong đó nghĩa vụ của mỗi bị cáo là 49.744.320 đồng; viết tròn số 49.744.000 đồng. Các bị cáo đã tác động gia đình bồi thường trước cho bị hại **H6** số tiền 101.000.000 đồng, cụ thể: gia đình bị cáo **H4** bồi thường 40.000.000 đồng; bị cáo **N1** bồi thường 22.000.000 đồng; bị cáo **T** 20.000.000 đồng; bị cáo **V1** 14.000.000 đồng; bị cáo **L3** 5.000.000 đồng nên các bị cáo phải tiếp tục bồi thường số tiền còn lại cho bị hại **H6** cụ thể như sau:

- + Bị cáo **T** phải bồi thường số tiền 29.744.000 đồng;
- + Bị cáo **V1** phải bồi thường số tiền 35.744.000 đồng;
- + Bị cáo **L3** phải bồi thường số tiền 44.744.000 đồng;
- + Bị cáo **N1** phải bồi thường số tiền 27.744.000 đồng;
- + Bị cáo **H4** phải bồi thường số tiền 9.744.000 đồng;

[7] Về xử lý vật chứng: căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

- 01 xe Mô tô biển số 70C1- 259.89 số khung: RLHJA3907HY720253, số máy: JA39E0700398 nhãn hiệu Honda, loại Wave ALPHA của bà **G**, xe bị hư hỏng nặng. 01 xe Mô tô biển số 70K5-3534 số khung: RLCN5WP204Y006948, số máy: 5WP2-06948 nhãn hiệu YAMAHA, loại MIOAMORE của anh **H6**, xe bị hư hỏng nặng, nhiều mảnh vỡ xe Mô tô, 01 điện thoại di động hiệu OPPO, màu xanh đen không kiểm tra số IMEI, đã qua sử dụng; 01 điện thoại NOKIA, loại 105, số IMEI: 352891103404261 bị bể mặt kính thu giữ tại hiện trường tai nạn giao thông là vật chứng liên quan đến hành vi của **Dương Thành Đ2** nên chuyển cơ quan điều tra tiếp tục điều tra xử lý.

- 01 con dao tự chế bằng kim loại có chiều dài 54 cm, lưỡi bằng kim loại 34 cm, bề rộng của lưỡi 04 cm, cán tròn bằng kim loại được quấn băng keo màu đen dài 20 cm, 01 chày xịt hơi cay màu rêu có chữ NANO đã qua sử dụng của bị hại **H6** là công cụ dùng để đánh nhau nên tịch thu, tiêu hủy. 01 hột quẹt gas màu xanh đã qua sử dụng không còn giá trị sử dụng nên tịch thu, tiêu hủy.

- 01 điện thoại di động hiệu OPPO, màu đỏ, số IMEI: 860811043578995, số IMEI2: 860811043578987 của bị cáo **N1**, 01 điện thoại di động hiệu Iphone Xmax,

màu đen, số IMEI: 353103106279560 của bị cáo **L3** (tất cả đã qua sử dụng) là phương tiện dùng vào việc phạm tội nên cần tịch thu, sung ngân sách nhà nước.

- 01 xe Mô tô biển số hiệu Suzuki màu đỏ, biển số 51F-2204, số máy F124138400, số khung: PMSRU120UOXA38400, đã qua sử dụng của bị cáo **L3**, dùng làm phương tiện phạm tội nên tịch thu sung ngân sách nhà nước. Xe mô tô hiệu Winer màu đỏ biển số 70F1-797.74 của bị cáo **T**, bị cáo trình bày đã bán cho người không rõ lai lịch. Xe Exciter màu đen biển số 70F1-747.52 của bị cáo **H4**, bị cáo khai đã mất trộm không thu hồi được nên không đặt ra giải quyết.

[8] Về án phí: các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 319, 325 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

1. Chấp nhận quyết định rút một phần quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh đối với hậu quả chết người của bà **Đỗ Thị G1** và thương tích chi **Nguyễn Thúy A** chuyển cơ quan điều tra xem xét hành vi vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ đối với anh **Dương Thành Đ2**.

2. Tuyên bố các bị cáo **Trần Thanh T**, **Nguyễn Hoàng Phi V1**, **Phan Văn L3**, **Võ Trọng N1** và **Nguyễn Khánh H4** phạm tội “Giết người”;

2.1. Căn cứ điểm a, n, p khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm e khoản 1 Điều 52, các điều 17, 57, 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Trần Thanh T** 18 (mười tám) năm tù.

Căn cứ Điều 56 của Bộ luật Hình sự; tổng hợp hình phạt 29 năm tù của Bản Hình sự sơ thẩm số 58/2023/HS-ST ngày 31/7/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” và “Mua bán trái phép chất ma túy”; buộc bị cáo **Trần Thanh T** phải chấp hành hình phạt chung là 30 (ba mươi) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày 12 tháng 4 năm 2022.

2.2. Căn cứ điểm a, n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1 Điều 51, điểm e khoản 1 Điều 52, các điều 17, 57, 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Hoàng Phi V1** 15 (mười lăm) năm tù.

Căn cứ Điều 56 của Bộ luật Hình sự; tổng hợp hình phạt 15 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” của Bản án Hình sự phúc thẩm số 847/2023/HS-PT ngày 09/11/2023 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh; buộc bị cáo **Nguyễn Hoàng Phi V1** phải chấp hành hình phạt chung là 30 (ba mươi) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày 13 tháng 4 năm 2022.

2.3. Căn cứ điểm a, n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1 Điều 51, điểm e, h khoản 1 Điều 52, các điều 17, 57, 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Phan Văn L3** 14 (mười bốn) năm tù.

Căn cứ Điều 56 của Bộ luật Hình sự; tổng hợp hình phạt 17 năm tù của Bản án Hình sự phúc thẩm số 847/2023/HS-PT ngày 09/11/2023 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” buộc bị cáo **Phan Văn L3** phải chấp hành hình phạt chung là 30 (ba mươi) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày 13 tháng 4 năm 2022.

2.4. Căn cứ điểm a, n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1 Điều 51, điểm e khoản 1 Điều 52, các điều 17, 57, 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Võ Trọng N1** 12 (mười hai) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày 13 tháng 4 năm 2022.

2.5. Căn cứ điểm a, n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, điểm e khoản 1 Điều 52, các điều 17, 57, 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Khánh H4** 11 (mười một) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày 16 tháng 8 năm 2022.

3. Biện pháp tư pháp: căn cứ các điều 46, 47, 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, các điều 288, 586, 590 của Bộ luật Dân sự;

3.1. Về bồi thường thiệt hại:

- Buộc các bị cáo **Trần Thanh T**, **Nguyễn Hoàng Phi V1**, **Phan Văn L3**, **Võ Trọng N1** và **Nguyễn Khánh H4** phải có nghĩa vụ liên đới bồi thường các khoản chi phí điều trị cho anh **Trần Chí H6** tổng số tiền là 248.721.604 đồng; trong đó nghĩa vụ của mỗi bị cáo phải bồi thường là 49.744.320 đồng; viết tròn số 49.744.000 đồng. Ghi nhận các bị cáo bồi thường trước cho bị hại số tiền 101.000.000 đồng, cụ thể: gia đình bị cáo **H4** bồi thường 40.000.000 đồng; bị cáo **N1** bồi thường 22.000.000 đồng; bị cáo **T** 20.000.000 đồng; bị cáo **V1** 14.000.000 đồng; bị cáo **L3** 5.000.000 đồng nên các bị cáo phải tiếp tục bồi thường số tiền còn lại cụ thể như sau:

+ Bị cáo **Trần Thanh T** phải bồi thường số tiền 29.744.000 (hai mươi chín triệu bảy trăm bốn mươi bốn nghìn) đồng;

+ Bị cáo **Nguyễn Hoàng Phi V1** phải bồi thường số tiền 35.744.000 (ba mươi lăm triệu bảy trăm bốn mươi bốn nghìn) đồng;

+ Bị cáo **Phan Văn L3** phải bồi thường số tiền 44.744.000 (bốn mươi bốn triệu bảy trăm bốn mươi bốn nghìn) đồng;

+ Bị cáo **Võ Trọng N1** phải bồi thường số tiền 27.744.000 (hai mươi bảy triệu bảy trăm bốn mươi bốn nghìn) đồng;

+ Bị cáo **Nguyễn Khánh H4** phải bồi thường số tiền 9.744.000 (chín triệu bảy trăm bốn mươi bốn nghìn) đồng;

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3.2. Về xử lý vật chứng: chuyển cơ quan điều tra xử lý 01 xe Mô tô biển số 70C1- 259.89 số khung: RLHJA3907HY720253, số máy: JA39E0700398 nhãn hiệu Honda, loại Wave ALPHA xe bị hư hỏng nặng. 01 xe Mô tô biển số 70K5-3534 số khung: RLCN5WP204Y006948, số máy: 5WP2-06948 nhãn hiệu YAMAHA, loại MIOAMORE, xe bị hư hỏng nặng, nhiều mảnh vỡ xe Mô tô. 01 điện thoại di động hiệu OPPO, màu xanh đen không kiểm tra số IMEI, 01 điện thoại NOKIA, loại 105, số IMEI: 352891103404261 (bị bể mặt kính).

- Tịch thu, sung ngân sách nhà nước 01 xe Mô tô biển số hiệu Suzuki màu đỏ, biển số 51F-2204, số máy F124-138400, số khung: PMSRU120UOXA38400, màu sơn: đỏ, loại xe: nữ, dung tích 120, (xe đã qua sử dụng) theo giấy đăng ký mô tô, xe máy số 001381 mang tên **Nguyễn Thanh T2** và 01 điện thoại di động hiệu OPPO, màu đỏ, số IMEI: 860811043578995, số IMEI2: 860811043578987, 01 điện thoại di động hiệu Iphone XSMas, màu đen, số IMEI: 353103106279560 (tất cả đã qua sử dụng).

- Tịch thu, tiêu huỷ 01 con dao tự chế bằng kim loại có chiều dài 54 cm, lưỡi bằng kim loại 34 cm, bề rộng của lưỡi 04 cm, cán tròn bằng kim loại được quấn băng keo màu đen dài 20 cm, 01 chày xịt hơi cay màu rêu có chữ NANO (đã qua sử dụng), 01 hột quẹt gas màu xanh (đã qua sử dụng).

4. Về án phí:

4.1. Án phí hình sự sơ thẩm: các bị cáo **Trần Thanh T**, **Nguyễn Hoàng Phi V1**, **Phan Văn L3**, **Võ Trọng N1** và **Nguyễn Khánh H4** mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

4.2. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bị cáo **Trần Thanh T** phải chịu 1.487.000 (một triệu bốn trăm tám mươi bảy nghìn) đồng.

- Bị cáo **Nguyễn Hoàng Phi V1** phải chịu 1.787.000 (một triệu bảy trăm tám mươi bảy nghìn) đồng.

- Bị cáo **Phan Văn L3** phải chịu 2.237.000 (hai triệu hai trăm ba mươi bảy nghìn) đồng.

- Bị cáo **Võ Trọng N1** phải chịu 1.387.000 (một triệu ba trăm tám mươi bảy nghìn) đồng.

- Bị cáo **Nguyễn Khánh H4** phải chịu 487.000 (bốn trăm tám mươi bảy nghìn) đồng.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các bị cáo và người tham gia tố tụng biết được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh./.

Nơi nhận:

- Vụ GĐKT1
- TANDCC;
- VKSNDCC;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VP CQCSĐT CA tỉnh;
- Sở Tư pháp tỉnh Tây Ninh;
- THADS tỉnh Tây Ninh;
- Trại tạm giam;
- Công an huyện nơi bị cáo cư trú;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Tâm